

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC NINH
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2022/HNGĐ- ST

Ngày 29 tháng 7 năm 2022

V/v “Ly hôn và giao con khi ly hôn”

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH**

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- + *Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà:* ông Đỗ Thế Bình.
- + *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đào Đức Phú, bà Nguyễn Thị Liên.
- + *Thư ký phiên toà:* Ông Lê Quốc Huy- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.
- + *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thúy- Chức vụ: Kiểm sát viên.

Trong các ngày 01/7/2022 và 29/7/2022 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh mở phiên toà sơ thẩm xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 182/2022/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 03 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2022/QĐST- HNGĐ ngày 30/05/2022 giữa:

+ **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Minh T- Sinh năm 1991.

HKTT: Khu Thượng, phường Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

+ **Bị đơn:** A Nguyễn Ngọc A- Sinh năm 1987.

ĐKTT tại: Khu Thượng, phường Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh (đã được niêm yết triệu hợp lệ lần thứ 2 vắng mặt không có lý do chính đáng hay vì sự kiện bất khả kháng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn, ý kiến trình bày của chi T và các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Sau thời gian đi lại tìm hiểu, ngày 10/08/2015 chị và A Nguyễn Ngọc A tiến tới hôn nhân, quan hệ hôn nhân giữa chị và A Nguyễn Ngọc A xuất phát trên nguyên tắc tự do, tự nguyện được UBND xã Bình Nghĩa, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam (nơi A Nguyễn Ngọc A đăng ký HKTT) làm thủ tục kết hôn và cấp giấy chứng nhận đăng ký

kết hôn. Sau khi kết hôn do điều kiện công việc, vợ chồng thuê nhà sống tại Thủ đô Hà Nội, đến năm 2018 vợ chồng chuyển về sống cùng gia đình bà Nguyễn Thị Dung (là mẹ đẻ chị T) ở khu Thượng, phường Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh (chị T làm việc tại Trung tâm đào tạo A Ngừ huyện Tiên Du, còn A Nguyễn Ngọc A thuê địa điểm của gia đình ông Nguyễn Đăng Đức (là người hàng xóm và giáp với nhà bà Nguyễn Thị Dung) để mở xưởng sản xuất, gia công cơ khí.

Sau khi chuyển về Bắc Ninh sống, đời sống tình cảm vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng thường to tiếng, nguyên nhân do A Nguyễn Ngọc A ham chơi bời, bài bạc, trắng hoa không chung thủy và thiếu trách nhiệm với gia đình, mọi chi phí sinh hoạt gia đình và nuôi con đều do chị T gánh vác, bản thân chị đã nhiều lần động viên A Ngọc A tu chí làm ăn nhưng A không sửa đổi. Cuối năm 2021, đầu năm 2022 lợi dụng tính chất công việc phải đi theo công trình A Ngọc A không về nhà với vợ, con mà chung sống với người phụ nữ khác, chị và A Nguyễn Ngọc A ly thân từ đó. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, cuộc sống chung không thể kéo dài chị T đề nghị tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với A Nguyễn Ngọc A.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Phúc An Nhiên, sinh ngày 02/02/2016 và cháu Nguyễn Minh Khang, sinh ngày 26/7/2018, hiện cả 2 con chung đang sống cùng chị và bà ngoại tại khu Thượng, phường Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Nếu vợ chồng ly hôn, chị T đề nghị tòa án giao cháu Nhiên và cháu Khang cho chị chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Về đóng góp phí tồn nuôi con chung: Chị T không yêu cầu A Ngọc A phải đóng góp.

Về tài sản chung, công nợ, trích chia công sức đóng góp: Chị T không yêu cầu giải quyết.

Quá trình tố tụng tòa nhiều lần triệu tập A Nguyễn Ngọc A đến làm việc nhưng A Ngọc A không đến, do A Nguyễn Ngọc A không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng nên tòa án đã tiến hành thông báo và niêm yết các văn bản tố tụng đối với A Nguyễn Ngọc A theo qui định nhưng A Ngọc A vẫn vắng mặt.

Làm việc với ông Nguyễn Đăng Đức, trú tại khu Thượng, phường Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh là người cho A Nguyễn Ngọc A thuê địa điểm mở xưởng sản xuất, gia công cơ khí, ông Đức cho biết: Gia đình ông và gia đình bà Nguyễn Thị Dung (mẹ vợ A Nguyễn Ngọc A) là chỗ hàng xóm liền kề, ông có cho A Nguyễn Ngọc A thuê nhà mở xưởng sản xuất, gia công cơ khí, quá trình chung sống đời sống tình cảm vợ chồng giữa chị T và A Ngọc A không hạnh phúc, từ đầu năm 2022 đến nay không thấy A Ngọc A sống cùng chị T, A Ngọc A chỉ về xưởng lấy đồ nghề, máy móc, lấy xong A lại đi mà không ghé qua thăm vợ, con.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Minh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị hội đồng xét xử giải quyết cho chị được ly hôn với A Nguyễn Ngọc A và giao con chung là cháu Nguyễn Phúc An Nhiên, sinh ngày 02/02/2016 và cháu Nguyễn Minh Khang, sinh ngày 26/7/2018 cho chị chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi ly hôn. Về

trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu A Ngọc A phải đóng góp; Ngoài 02 yêu cầu như đã nêu, chị T không còn bất cứ yêu cầu nào khác.

Tại phiên tòa A Nguyễn Ngọc A đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng hay vì sự kiện bất khả kháng.

Cũng tại phiên tòa sau khi đánh giá việc chấp hành và thực hiện pháp của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa là nghiêm túc; Việc chấp hành và thực hiện pháp luật của nguyên đơn là chị T là nghiêm chỉnh, của bị đơn là A Ngọc A là chưa thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng. Về nội dung, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Minh T, xử cho chị Nguyễn Thị Minh T ly hôn với A Nguyễn Ngọc A.

- Về giao con chung khi ly hôn: Giao cả hai con chung là cháu Nguyễn Phúc An Nhiên, sinh ngày 02/02/2016 và cháu Nguyễn Minh Khang, sinh ngày 26/7/2018 cho chị Nguyễn Thị Minh T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn.

- Về đóng góp phí tổn nuôi con: Chị T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ, trích chia công sức: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết hợp với kết quả thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả trA luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1, *Về tố tụng*: Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Minh T thấy, chị T yêu cầu tòa án giải quyết cho chị ly hôn với A Nguyễn Ngọc A và giao cả 2 con chung cho chị chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi ly hôn. Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của chị T, Hội đồng xét xử xác định quan hệ trA chấp giữa chị T và A Nguyễn Ngọc A là “*TrA chấp ly hôn và giao con chung khi ly hôn*”. Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Quá trình tố tụng A Nguyễn Ngọc A đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến làm việc và tham gia phiên tòa, song A Nguyễn Ngọc A vắng mặt. Xét sự vắng mặt của A Nguyễn Ngọc A không có lý do chính đáng hay vì sự kiện bất khả kháng, căn cứ khoản 1 Điều 228 của BLTTDS, hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt A Nguyễn Ngọc A theo quy định của pháp luật.

2. *Về nội dung:* Chị Nguyễn Thị Minh T và A Nguyễn Ngọc A kết hôn ngày 10/8/2015 trên cơ sở tự do, tự nguyện, tuân thủ đầy đủ các điều kiện kết hôn, được UBND xã Bình Nghĩa, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam (nơi A Ngọc A đăng ký hộ khẩu thường trú) làm thủ tục kết hôn và cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và A Ngọc A là hợp pháp. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống tại Hà Nội sau đó chuyển về Bắc Ninh sống với gia đình chị T tại: Khu Thượng, phường Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh. Quá trình chung sống đời sống tình cảm vợ chồng không hạnh phúc nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng hoàn toàn do lỗi của A Nguyễn Ngọc A, chị T và A Ngọc A đã ly thân không còn chung sống từ cuối năm 2021 đến nay. Xét tình cảm giữa chị T và A Ngọc A không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích xây dựng gia đình ấm no, hòa thuận, hạnh phúc không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, xử cho chị Nguyễn Thị Minh T ly hôn với A Nguyễn Ngọc A.

+ *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị Minh T và A Nguyễn Ngọc A có với nhau 02 con chung là cháu Nguyễn Phúc An Nhiên, sinh ngày 02/02/2016 và cháu Nguyễn Minh Khang, sinh ngày 26/7/2018, sau khi vợ chồng ly thân cả hai con đều sống cùng chị T và do chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Xét và điều kiện của nuôi và xuất phát từ lợi ích và sự phát triển của con chung thấy cần giao cháu Nguyễn Phúc An Nhiên, sinh ngày 02/02/2016 và cháu Nguyễn Minh Khang, sinh ngày 26/7/2018 cho chị Nguyễn Thị Minh T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi ly hôn.

Về đóng góp phí tổn nuôi con: Chị T không yêu cầu A Nguyễn Ngọc A phải đóng góp phí tổn nuôi con chung và việc không của chị T là tự nguyện nên không đặt ra giải quyết.

+ *Về tài sản chung, công nợ và trích chia công sức:* Các bên không yêu cầu nên không giải quyết.

3. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị Minh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 57, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, 144, 146, 147, 228, 235, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ

Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Minh T.

* *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Nguyễn Thị Minh T ly hôn với A Nguyễn Ngọc A.

* *Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Phúc An Nhiên, sinh ngày 02/02/2016 và cháu Nguyễn Minh Khang, sinh ngày 26/7/2018 cho chị Nguyễn Thị Minh T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi ly hôn; Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con không ai được cản trở.

* *Về đóng góp phí tổn nuôi con*: Chị T không yêu cầu A Nguyễn Ngọc A phải đóng góp phí tổn nuôi con nên không giải quyết.

* *Về tài sản chung, công nợ, trích chia công sức*: Các bên không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

2. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Minh T phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp đủ án phí HNGĐ sơ thẩm theo Biên lai thu số: AA/2021/0001120, ngày 01/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh.

3. *Về quyền kháng cáo*: Chị Nguyễn Thị Minh T có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; A Nguyễn Ngọc A vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BN;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSNDTP BN;
- Chi cục THADSTPBN;
- Các đương sự;
- UBND xã Bình Nghĩa, Bình Lục, Hà Nam;
- Lưu HS, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thế Bình

